TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 991/2017/DS-PT
Ngày: 03/11/2017
Vv Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Chí Sang
2. Bà Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Phan Văn Kiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 10 và 03 tháng 11 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án sơ thẩm số 339/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2074/2017/QĐPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5452/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5800/2017/QĐPT ngày 27 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà V, 72 Đường Q, phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phục L – sinh năm 1972

Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng X Chi nhánh Quận E (Văn bản ủy quyền số 85/2017/EIB-Q11 ngày 12/4/2017)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng K- sinh năm 1985

Địa chỉ: 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Bích T– sinh năm 1990

Trẻ Nguyễn Minh Đ – sinh năm 2014 do bà Nguyễn Thị Bích T là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Nguyễn Đăng K.

(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Ngày 03/02/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - chi nhánh Quận E ký hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201500132 với Ông Nguyễn Đăng K. Nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận Ngân hàng cho ông K vay số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), mục đích vay để mua bất động sản. Ngân hàng đã giải ngân cho ông K theo Khế ước nhận nợ số 1015-LDS-201500264 ngày 03/02/2015 với số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân. Lịch trả nợ gốc: 120 phân kỳ, mỗi kỳ vào ngày 12 hàng tháng, số tiền trả nợ gốc mỗi kỳ là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng), trả lãi vào ngày 03 hàng tháng, lãi suất vay 9%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng X từng thời kỳ), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay.

Để đảm bảo khoản vay trên, Ông Nguyễn Đăng K đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng số 140/2015/EIB-Q11-P.HCN/TC ngày 14/5/2015, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại số 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông K là chủ sở hữu. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T ngày 18/5/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 04/01/2016 Ông Nguyễn Đăng K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K không thực hiện việc thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Ông Nguyễn Đăng K trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2016 là 280.302.274 đồng (bao gồm 257.000.000 đồng nợ gốc, tiền lãi phát sinh 23.302.274 đồng). Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông K có trả thêm cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 20.600.000 đồng

(hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) nên số nợ gốc ông Y còn là 236.400.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Do đó, Ngân hàng yêu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng dứt điểm trong hạn 03 tháng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 1015-LDS-201500132 ngày 03/02/2015, tạm tính đến ngày 27/7/2017 là 282.724.143 (Hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc: 236.400.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi trong hạn 45.031.361 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi mốt đồng) và lãi quá hạn là 1.292.782 đồng (một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng). Yêu cầu ông K trả trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và lời khai của bị đơn – Ông Nguyễn Đăng K tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải như sau:

Ông xác nhận ngày 03/02/2015, ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (Ngân hàng X) và đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay mười năm, trả gốc và lãi vào ngày 03 hàng tháng.

Ông đã ký hợp đồng thế chấp thế chấp với Ngân hàng căn nhà số 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung vợ chồng (có văn bản thỏa thuận), bà T chỉ ở chung không đóng góp chi phí sửa chữa gì.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã đóng tiền gốc và lãi đến hết ngày 03/12/2015. Sau đó do bị mất việc làm nên ông chậm nộp tiền vào Ngân hàng, đến ngày 11/3/2016 ông có nộp tiền vào tài khoản thẻ để đóng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng không khấu trừ, do cần tiền ông lại rút ra sử dụng. Ông xác nhận tính đến ngày 30/9/2016 ông nợ Ngân hàng X số tiền gốc 257.000.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) và lãi là 23.302.274 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng) tổng cộng 280.302.274 đồng (hai trăm tám mươi triệu ba trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng)

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì trước khi khởi kiện Ngân hàng không thông báo bằng văn bản cho ông mà chỉ có nhân viên của ngân hàng gọi điện thoại yêu cầu trả hết gốc lãi và thanh lý hợp đồng nếu không sẽ khởi kiện. Ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông cơ cấu nợ gốc và lãi để tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1015-LDS-201500132 ngày 03/02/2015 là được trả khoản vay đến năm 2025, ông sẽ khắc phục bằng cách nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng để trả cho những tháng còn thiếu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Bích T và Trẻ Nguyễn Minh Đ – sinh năm 2014 do bà Nguyễn Thị Bích T là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định

của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt và không có bất cứ ý kiến nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 339/2017/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X:

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Đăng K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền 282.724.143 đồng (bao gồm nợ gốc 236.400.000 đồng và nợ lãi 46.324.143 đồng) trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài số tiền trên, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201500132 ngày 03/02/2015 tính từ ngày 28/7/2017 cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

Khi Ông Nguyễn Đăng K trả nợ hết cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp tài sản đảm bảo, trả lại giấy tờ sở hữu căn nhà 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông Nguyễn Đăng K.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà số 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.136.207 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 7.007.557 đồng (bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011429 ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, Ông Nguyễn Đăng K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Đăng K giao nộp thêm tài liệu mới là trích lục khai sinh của trẻ Nguyễn Túc M.

Ông Nguyễn Đăng K trình bày nội dung kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì các lý do sau:

- Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu chung của ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Bích T nhưng vì thời điểm đó bà T không được khỏe và bận nuôi con nhỏ hạn chế việc đi lại làm thủ tục nên giữa ông và bà T đã ký văn bản thỏa thuận nhà và đất trên thuộc quyền sở hữu của riêng ông để tiện việc làm tục mua bán căn nhà trên.

- Cấp sơ thẩm không ghi nhận quan điểm của ông đủ khả năng để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Ông và vợ ông không nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, không nhận được giấy triệu tập để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Cấp sơ thẩm không đưa trẻ Nguyễn Túc M, sinh ngày 26/5/2017 là con của ông và bà T vào tham gia tố tụng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

Đại diện nguyên đơn không tranh luận.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ kết quả xác minh ngày 15/02/2017 của Công an Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thì ông K, bà T và trẻ Đ hiện sinh sống tại số nhà 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cấp Tòa sơ thẩm làm các thủ tục niêm yết và xét xử vắng mặt ông K, bà T là hoàn toàn đúng theo qui định tại Điều 179; Điều 227 và điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201500132 lập ngày 03/02/2015 giữa Ngân hàng và ông K thể hiện ông K vay tiền của Ngân hàng mục đích để thanh toán tiền mua nhà.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và xác nhận của bị đơn thì bị đơn còn thiếu Ngân hàng số tiền nợ gốc 236.400.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ do bị đơn không thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên bị

đơn phải chịu lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết. Theo bản chiết tính lãi vay đến ngày 27/7/2017 thì ông K nợ tiền lãi suất trong hạn là 45.031.361 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi mốt đồng) và lãi quá hạn là 1.292.782 đồng (một triệu hai trăm chín hai nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng).

Về thời hạn thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ trong hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là có lợi cho bị đơn nên cấp sơ thẩm đã ghi nhận. Do đó bị đơn cho rằng Tòa sơ thẩm không ghi nhận thiện chí trả nợ của bị đơn và buộc bị đơn trong thời hạn 03 tháng phải thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn là bất lợi cho bị đơn là không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập các bên đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm lần 1 xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 09 tháng 10 năm 2017, lần 2 xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27 tháng 10 năm 2017. Bà Nguyễn Thị Bích T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Minh Đ vắng mặt cả hai lần không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trâm.

[2] .Về yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Đăng K:

2.1. Về tố tụng: Căn cứ các biên bản tống đạt của cấp sơ thẩm thể hiện ông K và vợ là bà Nguyễn Thị Bích T đã được cấp sơ thẩm tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông K đã trình bày bản tự khai (bút lục số 96), có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (từ bút lục 98 đến bút lục108). Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T cũng đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Do không tống đạt trực tiếp được quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông K và bà T nên cấp sơ thẩm đã ba lần lập biên bản ghi nhận việc không tống đạt trực tiếp được có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố và tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông K và bà T tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 07/6/2017, lần 2 xét

xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/6/2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 28/6/2017, xét xử lại vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/7/2017 nhưng các lần trên ông Kvà bà T đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy, việc cấp sơ thẩm đã niêm yết và xét xử vắng mặt ông K và bà T là đúng qui định tại Điều 177; Điều 179 và điểm b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với việc cấp sơ thẩm đưa trẻ Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/2/2014 là con của ông K và T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết vì trẻ Đ chưa đủ 06 tuổi, theo qui định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch dân sự của người chưa đủ 06 tuổi phải do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập và thực hiện thay. Vì vậy, việc ông K yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để đưa trẻ Nguyễn Túc M, sinh ngày 26/5/2017 vào tham gia tố tụng là không cần thiết, không có căn cứ chấp nhận.

Từ những cơ sở đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm của ông K.

2.2. Về số tiền nợ gốc và lãi: Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp nguyên đơn và bị đơn phù hợp với chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201500132 ngày 03/02/2015; hợp đồng thế chấp số tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1015 –LDS-201500264 ngày 03/02/2015 có cơ sở khẳng định Ông Nguyễn Đăng K đã vay của Ngân hàng X chi nhánh Quận E số tiền gốc 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ gốc tối đa không quá 120 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào lời khai của đại diện Ngân hàng và xác nhận của bị đơn, phù hợp với bản chiết tính ngày 27/7/2017 của Ngân hàng thể hiện Ông Nguyễn Đăng K đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Tính đến ngày 27/7/2017, ông K còn nợ Ngân hàng 282.724.143 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc: 236.400.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi trong hạn 45.031.361 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi mốt đồng) và lãi quá hạn là 1.292.782 đồng (một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng).

Việc ông K ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho Ngân hàng là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng với ông K và yêu cầu ông K trả số tiền gốc và lãi nêu trên là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận giữa các bên tại Điều 5.3 của phụ lục hợp đồng tín dụng. Ngày 03/10/2016, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện, đến nay ông K vẫn không thanh toán dứt điểm được các khoản nợ theo các kỳ trả nợ. Do đó, việc ông K trình bày ông có thiện chí trả nợ nhưng Ngân hàng không chấp

nhận và Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận thiện chí trả nợ của ông là không có cơ sở.

2.3. Về tài sản thế chấp:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03982 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông Nguyễn Đăng K ngày 17/3/2015, văn bản thỏa thuận tài sản riêng vợ chồng do ông K và vợ là bà T lập ngày 30/01/2015 tại Văn phòng công chứng H và lời khai của ông K tại biên bản không tiến hành hòa giải được (bút lục số 107) có căn cứ để xác định đây là tài sản riêng của ông K.

Căn cứ hợp đồng thế chấp số 140/2015 ngày 14/5/2015 giữa ông K với Ngân hàng, nội dung ông K đã thế chấp nhà và đất số 312/5A Đường C, Phường I, quận T cho Ngân hàng để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201500132 ngày 03/02/2015.

Việc các bên ký hợp đồng thế chấp tài sản trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản, ký tại Phòng công chứng, có đăng ký việc thế chấp tại Ủy ban nhân dân quận T và đã được Ủy ban nhân dân quận T chứng nhận việc đăng ký thế chấp ngày 19/5/2015. Như vậy, việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã tuân thủ đúng theo qui định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 và qui định tại điểm c Điều 10; điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ qui định về giao dịch bảo đảm (đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163). Vì vậy, hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý.

Việc ông K khai tại cấp phúc thẩm cho rằng nhà đất trên là tài sản chung vợ chồng là mâu thuẫn với các tài liệu đã trích dẫn trên và mâu thuẫn với chính lời khai của ông K tại biên bản không tiến hành hòa giải được (bút lục 107). Mặt khác, bản án sơ thẩm xác định tài sản thế chấp là tài sản riêng của ông K. Sau khi có bản án sơ thẩm bà T vợ ông K cũng không kháng cáo.

Căn cứ Điều 351; Điều 355 Bộ luật dân sự 2005, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thi hành án trong trường hợp phía bị đơn không trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Từ sự phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật nên giữ nguyên.

[3].Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4].Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Đăng K không được chấp nhận nên ông Kphải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) theo qui định tại Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 342; Điều 343; Điều 351; Điều 355 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự; Điều 1 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Ông Nguyễn Đăng K.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 339/2017/DS - ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X:

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Đăng K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền 282.724.143 đồng (bao gồm nợ gốc 236.400.000 đồng và nợ lãi 46.324.143 đồng) trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi Ông Nguyễn Đăng K trả nợ hết cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp tài sản đảm bảo, trả lại giấy tờ sở hữu căn nhà 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông Nguyễn Đăng K.

Trường hợp Ông Nguyễn Đăng K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà số 312/5A Đường C, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ thì ông Kcó nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.136.207 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 7.007.557 đồng (bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011429 ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng K phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông K đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006769 ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cấn trừ, ông Kđã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi Cục THA DS quận T;
- TAND quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa